TÒ. ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂY HỒ
T PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒ. XÃ HỘI CHỦ NGHĨ. VIỆT N.M
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **2.1**/2023/QĐST-HNGĐ

T H, ngày 1t tháng t năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎ. THUẬN CỦ. CÁC ĐƯƠNG SỰ
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN T H, T PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 3t7 củ. Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, 81, 82 và Điều 83 củ. Luật Hôn nhân và gi. đình; Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 32./201./UBTVQH14 ngày 30/12/201. củ. Ủy b.n tòng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tò. án;

S.u khi nghiên cứu h sơ việc dân sự sơ thẩm thụ lý số: 234/2023/TLST-HNGĐ ngày 0./t/2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người th.m gi. tố tụng s.u đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- **Chị Nguyễn Th.nh T, sinh năm 1tt5;** ĐKHKT: Tổ ., phường T L, quận T H, TP Hà Nội;

- **.nh Nguyễn Xuân M, sinh năm 1t83;** ĐKHKTT: Số . dãy ., tập thể ., tổ ., phường T T, quận Hải .n, T phố Hải Phòng.

NHẬN ĐỊNH CỦ. TÒ. ÁN:

[1] Chị Nguyễn Th.nh T và .nh Nguyễn Xuân M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 31/7/2014 tại Ủy b.n nhân dân phường T T, quận Hải .n, T phố Hải Phòng, xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

.nh, chị cùng xác nhận s.u khi kết hôn vợ chng chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng trong qu.n điểm, không có tiếng nói chung, hiện đã sống ly thân. .nh chị cùng xác định tình cảm vợ chng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tò. án công nhận thuận tình ly hôn. Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn .nh, chị là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định củ. pháp luật nên được chấp nhận.

[2] **Về con chung**: .nh, chị có 02 con chung là Nguyễn Nhật M .nh, sinh ngày ././2014 và Nguyễn Xuân T, sinh ngày ./4/201..

.nh, chị thỏ. thuận: S.u khi ly hôn gi.o cả h.i con chung cho .nh M trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với chị T đến có quyết định th.y đổi khác. Chị T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không .i được cản trở. Thỏ. thuận củ. .nh, chị là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

[3] **Về tài sản, nhà đất, công nợ chung**: .nh, chị xác nhận không có, không yêu cầu Tò. án giải quyết nên không xét.

[4] **Về các vấn đề khác**: Không có.

[5].**Về lệ phí Tò. án**: Chị T tự nguyện nộp toàn bộ 300.000đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm chị đã nộp tại biên l.i nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0033347 ngày 0./t/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận T H.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hò. giải đoàn tụ không t, không có đương sự nào th.y đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏ. thuận củ. các đương sự cụ thể như s.u:

- **Về qu.n hệ hôn nhân**: Chị Nguyễn Th.nh T và .nh Nguyễn Xuân M thuận tình ly hôn.

- **Về con chung**: .nh, chị có 02 con chung là Nguyễn Nhật M .nh, sinh ngày ././2014 và Nguyễn Xuân T, sinh ngày ./4/201..

Gi.o .nh M trực tiếp nuôi dưỡng cả h.i con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với chị T đến khi có quyết định th.y đổi khác. Chị T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không .i được cản trở.

- Về tài sản, nhà đất, công nợ chung: .nh, chị xác nhận không có, không yêu cầu Tò. án giải quyết nên không xét.

- **Về các vấn đề khác:** Không có.

2. Về lệ phí Tò. án: Chị T tự nguyện nộp toàn bộ 300.000đ (*b. trăm nghìn đồng*) lệ phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000đồng theo Biên l.i thu tạm ứng án phí, lệ phí Tò. án số: 0033347 ngày 0./t/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận T H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ng.y s.u khi được b.n hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận T H;
- CCTH.DS quận T H;
-UBND phường T T,
quận Hải .n, Hải Phòng (số .3/2014);
- Lưu HS/VP.

THẨM PHÁN

TÒ. ÁN NHÂN DÂN…….(1) **-------**	**CỘNG HÒ. XÃ HỘI CHỦ NGHĨ. VIỆT N.M** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: ……../……/QĐST-HNGĐ(2)	*……., ngày ….. tháng …. năm …….*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN

VÀ SỰ THỎ. THUẬN CỦ. CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒ. ÁN NHÂN DÂN ……..

Căn cứ[3]……. Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ[4]…….. Luật Hôn nhân và Gi. đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 32./201./UBTVQH14 ngày 30-12-201. củ. Ủy b.n Tòng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tò. án;

S.u khi nghiên cứu h sơ việc dân sự thụ lý số…../…../TLST-HNGĐ[5] ngày ….tháng …..năm….. về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người th.m gi. tố tụng s.u đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*[6].....

.....

- *Người có quyền lợi, nghĩ. vụ l qu.n:*[7].....

.....

NHẬN ĐỊNH CỦ. TÒ. ÁN:[8]

[1].....

.....

[2].....

.....

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hò. giải đoàn tụ không t, không có đương sự nào th.y đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận củ. các đương sự cụ thể như s.u:

- Về qu.n hệ hôn nhân: .....

.....

- Về con chung: .....

.....

- Về tài sản chung: .....

.....

- Về các vấn đề khác:.....

.....

2. Về lệ phí Tò. án: .....

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ng.y s.u khi được b.n hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ qu.n đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: H sơ việc dân sự.

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 31-VDS:

(1) Ghi tên Tò. án r. quyết định; nếu là Tò. án nhân dân huyện, quận, thị xã, t phố thuộc tỉnh, t phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tò. án nhân dân huyện, quận, thị xã, t phố thuộc tỉnh, t phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tò. án nhân dân huyện Tòng Tín, t phố Hà Nội); nếu là Tò. án nhân dân tỉnh, t phố trực thuộc trung ương thì ghi Tò. án nhân dân tỉnh (t phố) đó (ví dụ: Tò. án nhân dân tỉnh Hà N.m).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ h.i ghi năm r. Quyết định.

(3) và (4) Ghi điểm, khoản, điều luật tương ứng củ. Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Hôn nhân và Gi. đình.

(5) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ h.i ghi năm thụ lý việc hôn nhân và gi. đình.

(.) Ghi rõ họ tên, đị. chỉ nơi cư trú củ. người yêu cầu;

(7) Nếu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, đị. chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) củ. người đó; nếu là cơ qu.n, tổ chức thì ghi tên cơ qu.n, tổ chức và đị. chỉ trụ sở củ. cơ qu.n, tổ chức đó.

(8) Ghi nhận định củ. Tò. án về những nội dung mà các đương sự thỏ. thuận được theo Biên bản hò. giải đoàn tụ không t. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].